

Số: 2804 /BC-QLB

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

**Về việc: Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh
giai đoạn 2016- 2018 của Tổng công Ty Quản lý bay Việt Nam**

Kính gửi: - Bộ Giao thông Vận tải
- Bộ Kế hoạch Đầu tư

- Căn cứ Nghị định số: 81/2015/NĐ-CP ngày 18.9.2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

- Căn cứ Công văn số: 13143/BGTVT ngày 02.10.2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc triển khai thực hiện Nghị định số: 81/2015/NĐ-CP ngày 08.9.2015;

- Căn cứ Quyết định số: 1472/QĐ-BGTVT ngày 13.5.2016, số: 2379/QĐ-BGTVT ngày 03.8.2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt và sửa đổi, bổ sung một số Điều lệ của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 457/QĐ-BGTVT ngày 12/3/2019 của Bộ Giao Thông Vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch giai đoạn 2016 – 2020 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

- Căn cứ các Quyết định số: 2513/ QĐ-BGTVT ngày 12.8.2016, 1807/QĐ-BGTVT ngày 22.6.2017; 889/QĐ-BGTVT ngày 02.5.2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc Giao Kế hoạch tỷ suất lợi nhuận các năm 2016, 2017, 2018 cho Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

- Căn cứ các Quyết định số: 988/QĐ-CHK ngày 14.6.2016; 999/QĐ-CHK ngày 15.5.2017 của Cục hàng không Việt Nam về việc Giao Kế hoạch cung ứng dịch vụ công ích đảm bảo hoạt động bay các năm 2016, 2017 cho Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

- Căn cứ các Quyết định số: 1187/QĐ-CHK ngày 11.7.2016; 999/QĐ-CHK ngày 15.5.2017 của Cục Hàng không Việt Nam về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016; 2017 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-HĐTV ngày 12/4/2018 của Hội đồng thành viên về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam (Tổng công ty) xin báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016- 2018 của Tổng công ty như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam (Tổng công ty) triển khai thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2016-2018 trong bối cảnh có nhiều thuận lợi song cũng không ít khó khăn, thách thức. Vận tải hàng không tiếp tục duy trì sự tăng trưởng cao trên 2 con số trong điều kiện kinh tế thế giới nói chung có tăng trưởng nhưng chậm và bất ổn. Công tác điều hành bay của Tổng công ty chịu tác động của một số yếu tố không thuận lợi như: nhiều máy bay lạ xâm phạm vùng thông báo bay của Việt Nam; các hoạt động sửa chữa, nâng cấp sân bay, đường cất hạ cánh diễn ra thường xuyên; thời tiết luôn diễn biến bất thường; mật độ bay trong năm (Đặc biệt là các chuyến bay đi/đến) tăng cao, tính chất hoạt động bay ngày càng đa dạng, phức tạp hơn so với trước.

Xác định giai đoạn 2016-2018 có ý nghĩa quan trọng, mở đầu giai đoạn thực hiện kế hoạch phát triển 5 năm 2016-2020, bên cạnh việc quyết liệt triển khai thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch năm, Tổng công ty tiếp tục triển khai thực hiện nhiều nội dung cụ thể trong các đề án lớn như: Nâng cao năng lực, an toàn và chất lượng dịch vụ bảo đảm hoạt động bay; phát triển nguồn nhân lực của tổng công ty đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030; xã hội hóa đào tạo cơ bản KSVKL; kế hoạch SXKD giai đoạn 2016-2020.

Trong giai đoạn 2016-2018, Tổng công ty đã tập trung thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao công tác đảm bảo hoạt động bay, một số công tác trọng điểm như: Đưa vào khai thác thành công cặp đường bay song song trục Bắc - Nam áp dụng RNAV 5 và các đường bay chuyển tiếp, các phương thức bay kết nối với 16 sân bay từ ngày 18/08/2016; phân chia vùng trời khu vực kiểm soát tiếp cận tại Nội Bài và Tân Sơn Nhất; thực hiện giảm độ cao giới hạn thấp 09 đường hàng không trên biển từ FL200/250/260/270 xuống FL135..., chuyển đổi thành công giai đoạn 3 dự án ATCC Hà Nội với sự ủy quyền trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay phân khu 1 ACC Hồ Chí Minh cho ACC Hà Nội và tái cấu trúc lại vùng trời ACC Hồ Chí Minh sau ủy quyền; xây dựng và triển khai áp dụng phương thức bay PBN và phân chia phân khu TMA tại các sân bay: Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất, Cam Ranh, Phú Quốc...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD:

Trong giai đoạn 2016-2018, Tổng công ty đã điều hành an toàn, điều hòa, hiệu quả 100% các chuyến bay trong vùng trách nhiệm được giao, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các dịch vụ bảo đảm hoạt động bay. Công tác quản lý, điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh được đảm bảo chặt chẽ, sát yêu cầu thực tế và đáp ứng đầy đủ các quy định của Nhà nước. Tổng công ty đã thực hiện nghiêm túc mọi chế độ quy định của Nhà nước trong quản lý tài chính, tài sản, vật tư; quản lý

sử dụng có hiệu quả tài sản, vật tư; quản lý, sử dụng có hiệu quả tiền vốn. Thực hiện vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Sản lượng điều hành bay: 2.223.494 lần chuyến
- Tổng doanh thu: 8.580.797.666 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2.312.827.833 đồng
- Nộp ngân sách nhà nước: 6.741.453.244 đồng

Chi tiết như tại Phụ lục kèm theo.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển:

- Trong giai đoạn 2016 - 2018, Tổng công ty triển khai thực hiện **146** dự án, với tổng mức đầu tư 11.633 tỷ, bao gồm:

- + Dự án nghiệm thu, hoàn thành: 68 dự án
- + Dự án tạm dừng: 01 dự án
- + Số dự án còn lại tiếp tục chuyển tiếp và triển khai thực hiện.

- Tổng số vốn giải ngân giai đoạn 2016-2018: 673 tỷ đồng.

Công tác quản lý đầu tư xây dựng nói chung, quản lý, thực hiện dự án nói riêng của Tổng công ty được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước. Trong giai đoạn 2016- 2018, Tổng công ty đã hoàn thành đưa vào sử dụng có hiệu quả các dự án lớn, trọng điểm như: Trạm radar Sơn Trà; Đài KSKL Cát Bi; Đài KSKL Tuy Hòa; Cơ sở dữ liệu địa hình eTOD khu vực 2 của hai sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất; Hoàn thành quyết toán các dự án: Đài KSKL Cần Thơ, Đài KSKL Phú Quốc, Đài KSKL Nội Bài; Quyết toán xong nhiều gói thầu của 3 dự án: Đài KSKL Tân Sơn Nhất, Trung tâm kiểm soát không lưu Hà Nội; Đài KSKL Cát Bi, Cơ sở làm việc các đơn vị khu vực sân bay Gia Lâm. Ngoài ra Tổng công ty còn tham gia đóng góp ý kiến gửi Bộ GTVT về hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch CHK Quảng Ninh giai đoạn đến 2020, định hướng đến năm 2030; Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết CHKQT Nội Bài giai đoạn đến 2020; quy hoạch CHK Lào Cai, Vũng Tàu, CHK Điện Biên Phủ...

Tuy nhiên, công tác đầu tư xây dựng cũng gặp một số khó khăn vướng mắc, cụ thể như sau :

- Quy định pháp luật Nhà nước liên quan đến công tác đầu tư, cụ thể là công tác đấu thầu có nhiều thay đổi nên còn nhiều hạn chế trong việc áp dụng quy định vào thực tế thực hiện đầu tư. Bên cạnh đó, quy tình thủ tục quản lý dự án đầu tư xây dựng phức tạp, được quy định tại rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước có sự chông chéo, trong khi văn bản hướng dẫn thường không kịp thời và hay thay đổi dẫn đến chậm tiến độ so với kế hoạch đã đề ra.

Phần lớn các dự án của Tổng công ty được xếp vào nhóm công trình giao thông. Với quy định của Nhà nước thì định mức chi phí tư vấn lập dự án này rất

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP

thập dẫn đến việc lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm là khó khăn (Các nhà đầu tư vẫn không muốn tham gia).

- Việc quản lý cấp phép quy hoạch, xây dựng của các cơ quan quản lý nhà nước còn chưa có sự thông nhất. Cụ thể: Từ trước tới nay, các dự án do Tổng công ty triển khai có vị trí nằm trong các khu vực sản bay đã có quy hoạch chi tiết đều không phải xin cấp phép quy hoạch của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, đối với dự án "Cơ sở làm việc Công ty Quản lý bay miền Trung" nằm trong khu vực sản bay, mặc dù Cục Hàng không Việt Nam đã có văn bản trao đổi với UBND thành phố Đà Nẵng về việc Cấp phép quy hoạch nhưng UBND thành phố Đà Nẵng vẫn yêu cầu Tổng công ty phải tiến hành thủ tục xin cấp phép đối với công trình này. Đây là nguyên nhân ảnh hưởng làm chậm công tác đầu tư xây dựng trong khu vực Sản bay. Dự án "Đại KSKL Phú Cát" là công trình bảo đảm hoạt động bay thuộc khu vực sản bay, để đảm bảo thủ tục trước khi xây dựng, Tổng công ty đã xin chấp thuận của Cục Hàng không Việt Nam. Tuy nhiên, chính quyền địa phương vẫn yêu cầu Tổng công ty làm thủ tục xin cấp phép xây dựng là rất khó vì các khu đất xây dựng của Tổng công ty thuộc đất quan sự, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tại các Cảng HK, Sân bay chi có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu chức năng 1/2000 (theo Luật HKDDVN), trong khi đó các cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu phải có quy hoạch 1/500.

Để tháo gỡ các khó khăn này, Tổng công ty đề xuất, kiến nghị Bộ GTVT phê duyệt hoặc ủy quyền cho Cục HKVN phê duyệt quy hoạch 1/500, cấp phép xây dựng cho các công trình của Tổng công ty nằm trong khu vực sản bay khi triển khai chuẩn bị các dự án.

- Thủ tục xin ban giao đất, thuê đất, cấp phép, thóa thuận về vị trí phương thực khai thác của các cơ quan có thẩm quyền Nhà nước thường bất cập, bị kéo dài dẫn đến chậm công tác chuẩn bị dự án. Tổng công ty kiến nghị các cơ quan quản lý Nhà nước đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục này khi Tổng công ty đã đáp ứng đủ yêu cầu về thủ tục hồ sơ.

- Công tác tham định hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng công trình phải qua nhiều bước nhiều thủ tục theo quy định, việc tham định của cơ quan quản lý nhà nước bị kéo dài với lý do như bộ sung đơn vị tư vấn tham định, tham tra theo yêu cầu; bộ sung hoàn thiện hồ sơ có liên quan đến thủ tục pháp lý, tư vấn thiết kế cũng làm chậm đáng kể tiến độ các dự án.

- Các dự án của Tổng công ty phần lớn mang tính chất chuyên ngành Quan Ly bay nên số lượng nhà đầu tư vẫn còn hạn chế, năng lực của nhiều nhà đầu tư vẫn lập dự án, thiết kế dự toán yếu ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng hồ sơ, phải chỉnh sửa phát sinh thủ tục nhiều lần.

1. Kết quả thực hiện giai đoạn 2016- 2018:

Đơn vị tính: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	TH 2016	TH 2017	TH 2018
1	Tổng doanh thu	2.935.432.358	3.341.389.285	3.860.862.663
	<i>Tỷ lệ so với năm trước (%)</i>	<i>131,3%</i>	<i>113,8%</i>	<i>115,5</i>
2	Tổng chi phí	2.121.074.528	2.542.766.895	2.421.250.042
	<i>Tỷ lệ so với năm trước (%)</i>	<i>132,3%</i>	<i>119,9%</i>	<i>95,2%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	814.357.830	958.146.436	1.439.612.621
	<i>Tỷ lệ so với năm trước (%)</i>	<i>129,2%</i>	<i>117,7%</i>	<i>150,3%</i>
4	Tỷ suất LN/Vốn CSH (%)	24,15	25,48	34,43

2. Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh tập trung phát triển:

- Dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không hiện đại, an toàn và hiệu quả.

- Dịch vụ bay kiểm tra hiệu chuẩn theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Sản xuất và cung cấp các sản phẩm công nghiệp hàng không trên các lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay (ATM/CNS), cảng hàng không sân bay và dịch vụ chuyên ngành Hàng không.

IV. THUẬN LỢI KHÓ KHĂN CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Thuận lợi:

- Tổng công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, hướng dẫn kịp thời của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tạo các điều kiện, cơ chế thuận lợi để hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

- Những năm qua, kinh tế thế giới mặc dù trải qua những giai đoạn khủng hoảng, suy thoái nhưng tổng thể vẫn tăng trưởng, trong đó hoạt động giao thông Hàng không luôn đạt tốc độ tăng cao. Đặc biệt, sự trỗi dậy mạnh mẽ của các nền kinh tế mới ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam là cơ sở để dự báo thuận lợi về tăng trưởng sản lượng điều hành bay của Tổng công ty.

- Tình hình chính trị, xã hội trong nước ổn định; kinh tế tăng trưởng ở mức cao so với thế giới.

- Tổng công ty là doanh nghiệp Nhà nước đặc thù, được Nhà nước giao kế hoạch độc quyền cung cấp các dịch vụ Bảo đảm hoạt động bay.

- Qua hơn 25 năm hoạt động, Tổng công ty tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quản lý điều hành sản xuất- kinh doanh.

2. Khó khăn:

- Nền kinh tế của thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, kinh tế nhà nước chưa có nhiều khởi sắc đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của các hãng hàng không trong nước và quốc tế;

- Thời tiết, khí hậu diễn biến khó lường: Bão gió, sương mù; lưu lượng bay tăng cao, tính chất hoạt động hàng không ngày càng đa dạng, phức tạp trong khi tổ chức vùng trời chưa được tối ưu hóa, các sân bay mới, các đường bay mới được mở ra tạo ra nhiều tuyến đường bay cắt nhau gây ra những khó khăn, phức tạp trong công tác điều hành bay.

- Tình trạng xung đột về an ninh, chính trị trên thế giới và khu vực.

- Công tác tái cơ cấu bộ máy tổ chức, việc ban hành quy chế tiền lương, tiền thưởng mới đã tạo nhiều thay đổi về tổ chức, nhân sự ảnh hưởng ít nhiều đến tinh thần của một bộ phận không nhỏ CB-CNV.

V. KẾ HOẠCH CÁC NĂM TỚI:

1. Tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều hành tổ chức, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đảm bảo điều hành bay an toàn-điều hòa-hiệu quả 100% các chuyến bay trong vùng trách nhiệm được giao.

2. Nâng cao chất lượng trong các lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay trên các lĩnh vực về không lưu, thông báo tin tức hàng không, khí tượng, tìm kiếm cứu nạn; thông tin, dẫn đường, giám sát.

3. Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tỷ suất lợi nhuận trên vốn Nhà nước các năm phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, chủ động các biện pháp đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch được giao, từng bước hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt. Thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn, phát triển vốn, tài sản của Nhà nước tại Doanh nghiệp.

4. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch đầu tư các năm theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không và kế hoạch tổng thể phát triển CNS/ATM của Tổng công ty giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng theo hướng đi thẳng vào công nghệ hiện đại, tự động hóa theo tiến trình chung của khu vực và thế giới; tiếp tục đầu tư phát triển các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp hàng không.

5. Tiếp tục thực hiện các nội dung trong Đề án tái cơ cấu Tổng công ty, đồng thời triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 07-NQ/BCSD ngày 06/3/2013 của Ban cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải.

6. Xây dựng và triển khai các hoạt động nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ, tập trung vào triển khai nghiên cứu ứng dụng, lựa chọn ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến, phù hợp đối với sự phát triển của ngành, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty.

Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam kính báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- KSV CSH;
- Ban KSNB;
- Lưu: VT, KHĐT (Ly05b).



Đoàn Hữu Gia

PHỤ LỤC: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016 - 2018



TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	NĂM			Ghi chú
			2016	2017	2018	
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
	Lần chuyến điều hành bay	lần chuyến	640,848	733,999	848,647	
	Trong đó:					
	Điều hành bay đi đến	lần chuyến	295,480	362,725	438,138	
	Điều hành bay quá cảnh	lần chuyến	345,368	371,274	410,510	
	Km ĐHB quy đổi	km	1,056,539,147	1,221,372,410	1,435,036,116	
2	Tổng doanh thu	1.000 đồng	2,234,950,869	2,935,432,358	3,410,414,439	
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đồng	630,822,459	814,357,830	867,647,544	
4	Nộp ngân sách NN	1.000 đồng	2,221,994,580	2,205,740,397	2,313,718,267	
5	Sản phẩm dịch vụ công ích	lần chuyến	640,848	733,999	848,647	
6	Kế hoạch đầu tư phát triển	1.000 đồng	625,895,264	172,000,000	236,000,000	
a	Nguồn ngân sách	1.000 đồng				
b	Vốn vay	1.000 đồng				
c	Vốn khác	1.000 đồng				
7	Tổng số lao động (tính đến 31.12)		2,764	3,520	3,344	
8	Tổng quỹ lương		690,276,172	825,052,352	956,322,985	
a	Quỹ lương quản lý		6,065,513	10,711,360	10,740,724	
b	Quỹ lương lao động		684,210,659	814,340,992	954,582,261	